

TAND TP. THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 346/2017/HSST
Ngày : 18/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viên

2. Ông Trần Trọng Tú

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Ngọc Anh, cán bộ Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 335/2017/HSST ngày 24 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Bùi Văn Đ, sinh ngày 05/6/1997

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: Lang thang; Dân tộc : Mường; Quốc tịch: Việt nam; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 06/12; Con ông Bùi Văn A, sinh năm 1970 ; Không xác định được họ tên, tuổi, địa chỉ mẹ bị cáo ; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 06/7/2017 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng: Ông T, sinh năm 1957

Trú tại: Tổ H, phường Q, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Bị cáo Bùi Văn Đ bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 16 giờ 30 phút ngày 06/7/2017, tổ công tác của đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Thái Nguyên đang làm nhiệm vụ tại khu vực

Tổ H, phường Q phát hiện 01 nam thanh niên có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy. Tổ công tác tiếp cận, yêu cầu kiểm tra, nam thanh niên khai tên là Bùi Văn Đ và tự giác lấy trong túi quần phía trước bên trái Đ đang mặc ra 03 gói nhỏ được gói bằng giấy màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng Đ khai là Hêrôin. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng theo quy định.

Cùng ngày, Cơ quan công an tiến hành cân trọng lượng số chất bột màu trắng thu giữ của Bùi Văn Đ có trọng lượng là 0,318 gam. Tại bản kết luận giám định số 844 ngày 11/7/2017 của Phòng kỹ thuật Hình sự công an tỉnh Thái Nguyên kết luận số chất bột màu trắng thu giữ được của Bùi Văn Đ là chất ma túy, loại Hêrôin, có trọng lượng (khối lượng) là: **0,318 gam**.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn Đ khai nhận: Do nghiện ma túy nên khoảng 13 giờ ngày 06/7/2017, Đ đi bộ đến khu vực dốc bến xe Thái Nguyên cũ thuộc Tổ H, phường Q để mua ma túy sử dụng cho bản thân. Tại đây, Đ gặp và mua của một nam thanh niên không rõ lai lịch, địa chỉ 03 gói Hêrôin với giá 300.000 đồng. Sau đó, Đ cất 03 gói Hêrôin vào túi quần trước bên trái Đ đang mặc và đi tìm nơi sử dụng thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án: 01 bì niêm phong ký hiệu A1.

Tại Bản cáo trạng số 354/KSĐT - MT ngày 24/8/2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố Bùi Văn Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Bùi Văn Đ về tội danh và điều luật như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Khoản 3 Điều 7; điểm c, khoản 1 Điều 249 BLHS số 100/2015/QH; Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 bị cáo được áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo; Xử phạt từ 24 đến 30 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

- Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định.

- Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo Đ phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang; biên bản mở niêm phong; phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ và kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa. Như vậy đã đủ kết luận: Do nghiện ma túy nên vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 06/7/2017 Bùi Văn Đ đã có hành vi tàng trữ 0,318 gam Hêrôin mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng. Hành vi nêu trên của bị cáo Đ đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội danh và hình phạt viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ và đúng theo quy định pháp luật.

Điều 194 BLHS quy định như sau:

“ 1. Người nào.....tàng trữ trái phép....chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Ma túy là hiểm họa của toàn xã hội, nó không những hủy hoại sức khỏe mà còn làm băng hoại về đạo đức của con người, là nguyên nhân phát sinh ra các loại tội phạm khác. Việc bài trừ tận gốc tệ nạn ma túy trong toàn xã hội đang được Đảng và Nhà nước quan tâm thực hiện. Loại tội phạm này đang có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy: Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành

khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 BLHS.

Bị cáo bị truy tố và đưa ra xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ 02 đến 07 năm tù. Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“ 1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túythuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm

a,

b,.....

c, Hêrôin,.....có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

Như vậy so sánh khoản 1 của Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 với khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì khoản 1 của Điều 194 có khung hình phạt cao hơn so với khung hình phạt của khoản 1 Điều 249. Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội , bị cáo được áp dụng nguyên tắc có lợi để xét xử bị cáo theo khung hình phạt của khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuy nhiên căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng buộc bị cáo cách ly xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và tăng cường công tác đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này tại địa phương và toàn xã hội.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo Đ còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, không có nguồn thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu A1.

Về nguồn gốc số Hêrôin, Bùi Văn Đ khai mua của 01 người đàn ông không biết tên(không rõ lai lịch, địa chỉ). Quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ của người đàn ông này nên không có cơ sở điều tra làm rõ để xử lý.

Về án phí: Bị cáo Bùi Văn Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố : Bị cáo Bùi Văn Đ phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt:

- Bùi Văn Đ: 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/7/2017. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Áp dụng Điều 228 BLTTHS Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì niêm phong ký hiệu A1.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 361. ngày 15/8/2017).

3. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, buộc bị cáo Bùi Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- Công an TP Thái Nguyên;
- Sở tư pháp;
- UBND phường(xã);
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Thư

